

Bản án số: 01/2018/LĐ-PT

Ngày: 01-6-2018

“V/v Tranh chấp về yêu cầu hủy
QĐ kỷ luật buộc thôi việc và đòi
tiền lương, bảo hiểm xã hội”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân

Các Thẩm phán:

Ông Trương Huy Huân.

Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:
Ông An Viết Thành - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 /5 và ngày 01/6/2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 01/2018/TLPT-LĐ ngày 12 tháng 3 năm 2018 về việc “*Tranh chấp về yêu cầu hủy quyết định buộc thôi việc, đòi tiền lương và bảo hiểm xã hội*”.

Do bản án lao động sơ thẩm số: 01/2018/LĐ-SI ngày 31/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐPT-LĐ ngày 07 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thị N, sinh năm 1986. Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang. Có mặt

2. Bị đơn: Hiệu trưởng trường THPT Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang. Địa chỉ: Xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Phạm Ngọc H - Hiệu trưởng Trường THPT Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang. Có mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bảo hiểm xã hội huyện B, tỉnh Hà Giang. Địa chỉ: Tổ 3, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Quốc T - Phó Giám đốc Bảo hiểm xã hội huyện B, tỉnh Hà Giang.

4. Những người làm chứng:

4.1. Chị Hoàng Thị Hương N, sinh năm 1998. Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt.

4.2. Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1980. Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt.

4.3.Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1981. Địa chỉ: Tổ 8, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang.Có mặt.

4.4.Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1979. Địa chỉ: Tổ 12, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

4.5.Chị Nông Thị Minh T, sinh năm 1979. Địa chỉ: Thôn Y, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

4.6.Anh Vũ Văn Đ, sinh năm 1959. Địa chỉ: Thôn V, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

4.7.Anh Đỗ Mạnh V, sinh năm 1986. Địa chỉ: Thôn V, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Có mặt

4.8.Chị Hoàng Thị V, sinh năm 1981. Địa chỉ: Thôn Y, xã V, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt.

4.9. Anh Không Văn H. Địa chỉ cơ quan: Trường THPT Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

5. Người kháng cáo: Nguyên đơn Đặng Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/3/2017, được sửa đổi, bổ sung ngày 19/5/2017, ngày 3/7/2017, các bản khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Đặng Thị N trình bày:

Ngày 15/8/2008, chị Được Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hà Giang (Sở GD&ĐT tỉnh Hà Giang) tuyển dụng vào làm giáo viên trường THPT Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang và đến ngày 15/9/2009 chị được biên chế chính thức. Ngày 10/8/2010, chị được chuyển về trường THPT Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang với công việc được phân công là trực tiếp giảng dạy môn địa lý. Trong quá trình công tác tại trường THPT Đ, năm 2012 chị bị kỷ luật cảnh cáo với lý do vi phạm đạo đức nhà giáo theo Quyết định số 727/QĐ-SGD, ngày 8/5/2012 của Sở GD&ĐT tỉnh Hà Giang, năm 2013 chị tiếp tục bị kỷ luật cảnh cáo với lý do vi phạm quy chế chuyên môn và đạo đức nhà giáo theo Quyết định số 1644/QĐ-SGD, ngày 19/11/2013 của Sở GD&ĐT tỉnh Hà Giang.

Sau khi chấp hành xong 2 quyết định kỷ luật trên. Năm học 2014- 2015, chị không vi phạm đạo đức nhà giáo, không vi phạm quy chế chuyên môn nhưng đến ngày 12/11/2016, Trường THPT Đ thông báo cho chị viết bản kiểm điểm và tham dự họp xét kỷ luật chị. Tại buổi họp xét kỷ luật ngày 14/11/2016, chị không viết bản kiểm điểm và Hội đồng kỷ luật trường vẫn tiến hành xử lý kỷ luật. Đến ngày 18/11/2016, Hiệu trưởng Trường THPT Đ (THPT Đ) đã ban hành Quyết định số 01/QĐKL-VC ngày 18/11/2016 về việc kỷ luật chị với hình thức buộc thôi việc, với lý do chị vi phạm đạo đức nhà giáo và quy chế chuyên môn có hệ thống, đã được tập thể cá nhân góp ý nhưng không sửa chữa, gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng. Chị N cho rằng Hiệu trưởng Trường THPT Đ ra quyết định kỷ luật chị với hình thức buộc thôi việc là không đúng theo quy định của pháp luật, cụ thể:

- Quyết định số 01/QĐKL-VC ngày 18/11/2016 của Hiệu trưởng Trường THPT Đ vi phạm thời hạn xử lý kỷ luật được quy định tại Điều 8 mục II Nghị định số 27/2012/NĐ-CP ngày 06/4/2012 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật viên chức và trách nhiệm bồi thường hoàn trả của viên chức;

- Hiệu trưởng Trường THPT Đ không cung cấp được chứng cứ chứng minh lỗi vi phạm của chị.

Vì vậy, chị có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 01/QĐKL-VC ngày 18/11/2016 của Trường THPT Đ về việc kỷ luật viên chức đối với chị, nhận chị trở lại làm giáo viên Trường THPT Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang, yêu cầu Hiệu trưởng trường THPT Đ xin lỗi chị công khai trước Hội đồng sư phạm trường THPT Đ, địa phương nơi chị cư trú và yêu cầu Hiệu trưởng trường THPT Đ trả các khoản tiền lương, tiền bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) từ ngày 8/10/2016 đến ngày nộp đơn khởi kiện là 9 tháng = 49.518.306 đồng và bồi thường tổn thất về tinh thần là 51.602.870 đồng. Tổng cộng: 101.121.176 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/8/2017, chị N xin rút yêu cầu Hiệu trưởng Trường THPT Đ bồi thường tổn thất về tinh thần cho chị là 51.602.870 đồng và rút yêu cầu xin lỗi chị công khai trước Hội đồng sư phạm trường THPT Đ, địa phương nơi chị cư trú.

Tại buổi công bố chứng cứ và hòa giải ngày 14/9/2017, ngày 02/01/2018 và tại phiên tòa chị N yêu cầu: Hiệu trưởng Trường THPT Đ trả các khoản tiền lương, phụ cấp ưu đãi, phụ cấp thâm niên nghề, phụ cấp khu vực và tiền BHXH, BHYT, BHTN, kinh phí công đoàn (KPCĐ) từ ngày 8/10/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm là 98.337.861 đồng; bồi thường 2 tháng tiền lương do quyết định kỷ luật buộc thôi việc trái pháp luật; bồi thường 45 ngày lương do vi phạm thời hạn báo trước.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn và bị đơn ông Phạm Ngọc H trình bày:

Ngày 15/9/2008, chị Đặng Thị N được Sở GD&ĐT tỉnh Hà Giang tuyển dụng vào làm giáo viên Trường THPT Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang và đến ngày 15/9/2009 chị N được biên chế chính thức. Ngày 10/8/2010, chị N được điều động từ Trường THPT Q đến trường THPT Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang và được phân công là giáo viên trực tiếp giảng dạy môn Địa lý tại trường. Trong quá trình công tác tại Trường THPT Đ, năm 2012 chị N bị Sở GD&ĐT tỉnh Hà Giang xử lý kỷ luật cảnh cáo do vi phạm đạo đức nhà giáo, năm 2013 chị N tiếp tục bị Sở GD&ĐT tỉnh Hà Giang xử lý kỷ luật cảnh cáo do vi phạm quy chế chuyên môn và đạo đức nhà giáo. Sau khi thi hành xong 2 quyết định kỷ luật trên, chị N tiếp tục vi phạm, cụ thể:

Sáng ngày 19/12/2014, tại phòng thi số 5 của trường THPT Đ trước sự có mặt của học sinh, chị Đặng Thị N đã yêu cầu em Hoàng Thị Hương N, học sinh lớp 11B3 trường THPT Đ phải thanh toán số tiền còn nợ cho chị nhưng em N chưa có tiền và xin khất nợ, chị N không đồng ý. Giữa chị N và em N to tiếng với nhau, chị N ném giẻ lau bảng, cuộn len vào mặt học sinh N, xưng hô mày tao với học sinh, lăng mạ học sinh N, gọi em N là đồ con chó. Ngày 12/01/2015 em Hoàng Thị Hương N bỏ học đến ngày 17/01/2015 Ban giám hiệu nhà trường phối hợp với chính quyền địa phương vận động em N đi học lại, sau đó em N đã đi học lại. Chị N lại gây áp lực khiến em N lại bỏ học. Ngày 27/01/2015 Ban giám hiệu trường phối hợp với chính quyền địa phương vận động em N đi học lại, sau đó em

N đã đi học lại. Ngày 16/3/2015, giáo viên chủ nhiệm và học sinh lớp 11B3 là lớp có học sinh Hoàng Thị Hương N lập biên bản về việc trong 15 phút đầu của tiết học chị N cho lớp trưởng đọc giấy xác nhận về việc chị không xúc phạm đến nhân phẩm em N, phụ huynh em N viết đơn sai sự thật về việc chị lên lớp học để đòi nợ, xúc phạm đến nhân phẩm em N, gây áp lực khiến em N phải bỏ học. Sau đó chị N đã cho 22/28 em học sinh ký tên vào giấy xác nhận do chị N đã viết sẵn. Đến cuối tiết học chị N lập biên bản với em N với lý do không chép bài đầy đủ, có thái độ vô lễ với giáo viên, nói tự do. Hết buổi học, em N đã bỏ học hẳn và bỏ đi khỏi địa phương luôn ngày hôm đó.

Ngày 30/12/2014, Tổ Văn, Sử, GDCD, Địa sơ kết học kỳ I nhận xét, góp ý cho chị Đặng Thị N, tổ bộ môn có báo cáo gửi Ban giám hiệu trường. Ngày 26, 27, 28 /01/2015, Chi bộ, Công đoàn, Chi đoàn Trường THPT Đ lập biên bản về việc góp ý cho chị Đặng Thị N và có báo cáo gửi Ban giám hiệu trường.

Ngày 6/4/2015, có báo cáo của học sinh lớp 11B1 “giờ tiết địa ngày 3/4/2015, cô giáo bảo bạn L chép một lá đơn của lớp 11B3 có nội dung cô không lên lớp để nói xấu bạn N và yêu cầu các em học sinh phải ký, nhiều bạn trốn ra ngoài không ký”.

Ngày 5/5/2015, Hội đồng coi thi trường THPT Đ lập biên bản về việc chị Đặng Thị N vi phạm quy chế của cán bộ chấm thi.

Ngày 7/5/2015, có báo cáo của học sinh và giáo viên chủ nhiệm lớp 11B3 về việc chị N lên lớp dạy không hiểu bài, nói xấu giáo viên, nói chuyện đời tư, nghe điện thoại trong lớp, viết đơn sẵn cho học sinh ký.

Ngày 7/5/2015, có báo cáo của học sinh và giáo viên chủ nhiệm lớp 11B1 về việc trong một số tiết địa chị N lên lớp tuyên truyền nói xấu về bạn Hoàng Thị Hương N, sẽ kiện nhà bạn N, chị N bảo có một số giáo viên trong trường luôn tìm cách hăm hại chị, ngày 3/4/2015 chị N cầm lá đơn của lớp 11B7 lên lớp 11B1 yêu cầu học sinh chép lại, bắt cả lớp phải ký với nội dung chị không nói xấu em N, không chửi em N, ngày 6/4/2015 chị N mang điện thoại lên lớp hỏi và bắt các bạn trả lời câu hỏi “cô lên lớp có nói xấu bạn N không?” để quay video làm cho các bạn trong lớp rất sợ.

Ngày 8/5/2015, có báo cáo của học sinh và giáo viên chủ nhiệm lớp 10A2 về việc chị N dạy không đủ thời gian theo quy định, ngồi nói chuyện với học sinh, làm việc riêng, sử dụng điện thoại trong giờ, có tiết không dạy chỉ ghi tên đầu bài và yêu cầu học sinh tự đọc, tự học.

Chị Đặng Thị N lấy danh nghĩa là giáo viên trường THPT Đ vay nợ cá nhân, phụ huynh học sinh quá hạn không trả, nhận tiền chạy việc, chạy trường khiến chủ nợ liên tiếp đến trường đòi nợ.

Trước hành vi vi phạm ngày càng nhiều hơn của chị Đặng Thị N thì phụ huynh học sinh, trưởng Ban đại diện cha mẹ học sinh, hội trưởng hội phụ huynh các lớp trong trường và các văn bản của cấp trên yêu cầu trường xác minh, xử lý hành vi vi phạm của chị Đặng Thị N. Ngày 6/4/2015 Trường THPT Đ tiến hành họp xét kỷ luật chị N, Hội đồng kỷ luật đã xem xét đề nghị Sở GD&ĐT tỉnh Hà Giang xử lý kỷ luật chị N với hình thức kỷ luật buộc thôi việc. Căn cứ vào Quyết định số 08/2014/QĐ-UBND, ngày 29/5/2014 của UBND tỉnh Hà Giang về việc

ban hành quy định phân cấp công tác quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Hà Giang. Ngày 5/6/2015, Sở GD&ĐT tỉnh Hà Giang đã ban hành quyết định số 818/QĐ-SGD&ĐT quyết định kỷ luật chi Đặng Thị N với hình thức kỷ luật là buộc thôi việc. Không đồng ý với quyết định kỷ luật buộc thôi việc trên, chi N khởi kiện ra Tòa án nhân dân thành phố H yêu cầu hủy quyết định nêu trên. Do quyết định kỷ luật chi Đặng Thị N của Sở GD&ĐT tỉnh Hà Giang sai thẩm quyền nên ngày 7/10/2016 Sở GD&ĐT tỉnh Hà Giang ra Quyết định số 1531/QĐ-SGD&ĐT quyết định hủy bỏ Quyết định số 818/QĐ-SGD&ĐT ngày 5/6/2015 của Sở GD&ĐT đồng thời giao cho Hiệu trưởng Trường THPT Đ ra quyết định xử lý kỷ luật đối với hành vi vi phạm của chi Đặng Thị N.

Đối chiếu với Quy định đạo đức nhà giáo ban hành kèm theo Quyết định số 16/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16/4/2008 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo, Quy tắc ứng xử trong nhà trường, Bản những quy định về nội quy và nề nếp làm việc của trường THPT Đ năm 2014 - 2015, Nghị định số 27/2012/NĐ-CP, ngày 6/4/2012 của Chính phủ, Hội đồng kỷ luật Trường THPT Đồng Yên đã xem xét đề nghị xử lý kỷ luật chi Đặng Thị N với hình thức buộc thôi việc. Hiệu trưởng Trường THPT Đ ra Quyết định số 01/QĐKL-VC, ngày 18/11/2016 về việc kỷ luật viên chức đối với chi Đặng Thị N bằng hình thức kỷ luật buộc thôi việc, lý do vi phạm đạo đức nhà giáo, vi phạm quy chế chuyên môn có hệ thống, đã được tập thể và cá nhân góp ý nhưng không sửa chữa, gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.

Nay chi Đặng Thị N khởi kiện ra Tòa yêu cầu hủy quyết định kỷ luật nêu trên và nhận chi N quay trở lại làm việc, bồi thường 2 tháng tiền lương và 45 ngày lương do vi phạm thời hạn báo trước thì Hiệu trưởng trường không nhất trí, bởi quyết định kỷ luật trên là đúng quy định của pháp luật. Đối với yêu cầu Hiệu trưởng trường hoàn trả tiền lương, BHXH, BHYT, BHTN từ ngày 8/10/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm thì Hiệu trưởng trường chấp nhận một phần yêu cầu và được tính từ ngày 8/10/2016 đến hết ngày 17/11/2016. Hiệu trưởng Trường tự nguyện nộp 2% KPCĐ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Ngọc H, Giám đốc Bảo hiểm xã hội huyện B, tỉnh Hà Giang trình bày:

Sau khi Sở GD&ĐT tỉnh Hà Giang ban hành Quyết định số 1513/QĐ-SGDĐT ngày 07/10/2016 của Sở GD&ĐT tỉnh Hà Giang về việc hủy bỏ quyết định kỷ luật viên chức thì đương nhiên chi Đặng Thị N vẫn là giáo viên của trường từ ngày 08/10/2016 cho đến hết ngày 17/11/2016 thuộc đối tượng đóng bảo hiểm bắt buộc, vì vậy người sử dụng lao động là Trường THPT Đ trích nộp BHXH, BHYT, BHTN theo quy định phải nộp tổng số là 32,5%, trong đó Trường THPT Đ phải nộp là 22%, người lao động có nghĩa vụ trích nộp đóng BHXH, BHYT, BHTN là 10,5 % trên tổng số tiền lương. Theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội để thuận tiện cho việc thu nộp các khoản bảo hiểm cho cơ quan Bảo hiểm đối với tiền đóng BHXH, BHYT, BHTN thì người sử dụng lao động trích nộp luôn cùng với phần của người lao động phải nộp, cơ quan Bảo hiểm trích thu tiền đóng bảo hiểm theo tháng chứ không theo ngày, hiện nay bảo hiểm xã hội huyện B đã truy đóng thời gian đóng BHXH, BHYT, BHTN của chi Đặng Thị N từ tháng 6/2015 đến hết tháng 9/2016 theo Bản án số 01/2017/LĐ-ST ngày 31/8/2017 của

Tòa án nhân dân thành phố H. Nếu người sử dụng lao động tiếp tục chỉ trả lương từ ngày 08/10/2016 đến ngày 18/11/2016 thì người sử dụng lao động và người lao động tiếp tục phải đóng BHXH, BHYT, BHTN của tháng 10 và tháng 11/2016 theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội, đồng thời người sử dụng lao động phải nộp số tiền lãi truy thu đóng BHXH, BHYT, BHTN cho Bảo hiểm xã hội huyện B.

Tại bản án lao động sơ thẩm số: 01/2018/LĐ-ST ngày 31/01/2018, Tòa án nhân dân huyện B và Quyết định sửa chữa bổ sung bản án số 01/2018/QĐSCBS ngày 06/02/2018 đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 30, điểm b, khoản 1,2 Điều 29, điểm d khoản 1 Điều 52 Luật viên chức; Điều 85, Điều 89 Luật Bảo hiểm xã hội; khoản 2 Điều 202 Bộ Luật lao động, khoản 5 Điều 32, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 3, Điều 7, khoản 1 Điều 8, khoản 2 Điều 13, khoản 2 Điều 14, Điều 18, khoản 4 Điều 22 Nghị định số 27/2012/NĐ-CP, ngày 6/4/2012 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật viên chức và trách nhiệm bồi thường, hoàn trả của viên chức; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị N, buộc Hiệu trưởng Trường THPT Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang có trách nhiệm thanh toán tiền lương, phụ cấp khu vực, phụ cấp ưu đãi, thâm niên nghề cho chị Đặng Thị N từ ngày 8/10/2016 đến hết ngày 17/11/2016 với số tiền là **6.237.805 đồng** (Sáu triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn tám trăm linh năm đồng)".

Buộc Hiệu trưởng Trường THPT Đ trích nộp BHXH, BHYT, BHTN của chị Đặng Thị N cho Bảo hiểm xã hội huyện B, tỉnh Hà Giang là 2.247.032 đồng và lãi truy thu là 323.823 đồng. Tổng cộng: **2.570.855 đ** (Hai triệu năm trăm bảy mươi nghìn tám trăm năm mươi đồng).

Ghi nhận Hiệu trưởng Trường THPT Đ tự nguyện trích nộp 2% kinh phí công đoàn của chị Đặng Thị N cho Liên đoàn lao động huyện B với số tiền là **92.706 đ** (Chín mươi hai nghìn bảy trăm linh sáu đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị N hủy Quyết định số 01/QĐKL-VC ngày 18/11/2016 của Hiệu trưởng trường THPT Đ về việc kỷ luật viên chức đối với chị Đặng Thị N và nhận chị trở lại làm việc; không chấp nhận yêu cầu bồi thường 2 tháng tiền lương và bồi thường 45 ngày lương do vi phạm thời hạn báo trước.

3. Về án phí: Hiệu trưởng trường THPT Đ, huyện B phải chịu án phí lao động có giá ngạch là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

Chị Đặng Thị N phải chịu án phí lao động sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

Ngoài ra quyết định của bản án còn quyết định quyền thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 12/02/2018 chị Đặng Thị N có đơn kháng cáo với nội dung: Kháng cáo phần 2- Quyết định của bản án với lý do: Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện B đã không áp dụng theo đúng Điều 8 (thời hạn xử lý kỷ luật); Điều 15(tổ chức họp kiểm điểm viên chức có hành vi vi phạm pháp luật) của Nghị định

số 27/2012/NĐ-CP ngày 06/4/2012 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật Viên chức và trách nhiệm bồi thường hoàn trả của viên chức và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm:

1. Tuyên hủy quyết định số 01/QĐKL-VC ngày 18/11/2016 của Hiệu trưởng trường THPT Đ về việc kỷ luật buộc thôi việc đối với chị Nhung.

2. Buộc trường THPT Đ nhận tôi trở lại vị trí giáo viên trường THPT Đ.

3. Bồi thường cho chị N tiền lương+ bảo hiểm xã hội+ bảo hiểm y tế+ bảo hiểm thất nghiệp và các chế độ phụ cấp ưu đãi khác từ 19/11/2016 đến nay với số tiền tạm tính là 98.337.861đ.

4. Hiệu trưởng trường THPT Đ phải bồi thường cho chị N hai tháng lương + 45 ngày lương do vi phạm thời hạn báo trước theo Điều 42 luật lao động.

Tại phiên tòa chị Đặng Thị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo.

Đại diện bị đơn ông Phạm Ngọc H đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên quyết định kỷ luật buộc thôi việc đối với chị Đặng Thị N.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Những người làm chứng: Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị T, Khổng Văn H, Vũ Văn Đ, Đỗ Mạnh V đều khẳng định trong quá trình làm việc tại Trường THPT Đ chị N đã có những việc làm vi phạm đạo đức nhà giáo, vi phạm quy chế chuyên môn vi phạm giờ giấc làm việc, có những việc làm ảnh hưởng đến uy tín của nhà trường, của giáo viên và học sinh.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật của HĐXX tại giai đoạn phúc thẩm và nhận xét: kháng cáo của chị Đặng Thị N là không có cơ sở, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS không chấp nhận kháng cáo của chị N, giữ nguyên Bản án lao động sơ thẩm số: 01/2018/LĐ-ST ngày 31/01/2018, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét lưu trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đánh giá, nhận định về nội dung kháng cáo của chị Đặng Thị N như sau:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào đơn khởi kiện và quá trình tố tụng xác định vụ việc theo quy định tại khoản 5 Điều 32, khoản 1 Điều 39 BLTTDS là đúng quy định của pháp luật. Ngày 31/01/2018 TAND huyện B xét xử sơ thẩm; Ngày 12/02/2018 chị N có đơn kháng cáo. Căn cứ Điều 272, 273 BLTTDS việc kháng cáo của chị N hợp lệ đúng đúng thời hạn luật định

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt 4/9 người làm chứng. Căn cứ Điều 296 BLTTDS những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa đã có lời khai lưu trong hồ sơ vụ án và họ không thuộc các trường hợp phải hoãn phiên tòa vì lý do vắng mặt của họ. Trên cơ sở ý kiến của đại diện VKSND tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa HĐXX tiếp tục xét xử vụ án

[3] Về nội dung:

Phần thứ 1: Chị Đặng Thị N kháng cáo phần 2 Quyết định của bản án số: 01/2018/LĐ-ST ngày 31/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang

với lý do: Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện B đã không áp dụng theo đúng Điều 8 (thời hạn xử lý kỷ luật); Điều 15 (tổ chức họp kiểm điểm viên chức có hành vi vi phạm pháp luật); Điều 18 (tổ chức họp Hội đồng kỷ luật) của Nghị định số 27/2012/NĐ-CP ngày 06/4/2012 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật Viên chức và trách nhiệm bồi thường hoàn trả của viên chức. HĐXX xét thấy:

[3.1] Tại Điều 8 Nghị định số 27/2012/NĐ-CP ngày 06/4/2012 của Chính phủ quy định: Thời hạn xử lý kỷ luật tối đa là 02 tháng kể từ ngày viên chức có hành vi vi phạm pháp luật cho đến ngày người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập có thẩm quyền xử lý kỷ luật.

Tài liệu có trong hồ sơ thể hiện: Ngày 07/10/2017 Sở GD&ĐT tỉnh Hà Giang ra Quyết định số 1531/QĐ-SGDĐT quyết định hủy bỏ Quyết định số 818/QĐ-SGD&ĐT ngày 5/6/2015 của Sở GD&ĐT (vì Sở GD & ĐT tỉnh Hà Giang đã ban hành quyết định không đúng thẩm quyền) đồng thời giao cho Hiệu trưởng trường THPT Đ ra quyết định xử lý kỷ luật đối với hành vi vi phạm của chị Đặng Thị N. Ngày 18/11/2016 Hiệu trưởng Trường THPT Đ ban hành Quyết định số 01/QĐKL-VC của Hiệu trưởng Trường THPT Đ kỷ luật buộc thôi việc đối với chị Đặng Thị N. Như vậy, thời hạn xử lý kỷ luật chị N sẽ được tính lại kể từ ngày Sở GD&ĐT tỉnh Hà Giang ban hành Quyết định số 1531/QĐ-SGDĐT quyết định hủy bỏ Quyết định số 818/QĐ-SGDĐT ngày 5/6/2015 của Sở GD&ĐT là ngày 7/10/2016 đến ngày 18/11/2016 Hiệu trưởng Trường THPT Đ ban hành quyết định xử lý kỷ luật là 1 tháng 11 ngày, là còn trong thời hạn xử lý kỷ luật theo quy định tại khoản 1 Điều 8 mục 2 Nghị định số 27/2012/NĐ-CP, ngày 6/4/2012 của Chính phủ. Vì vậy việc chị N cho rằng quyết định của Hiệu trưởng trường ban hành khi đã hết thời hạn xử lý kỷ luật chị là không có căn cứ.

[3.2] Chị N cho rằng Bản án sơ thẩm không áp dụng Điều 15 của Nghị định số 27/2012/NĐ-CP ngày 06/4/2012 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật Viên chức và trách nhiệm bồi thường hoàn trả của viên chức để xem xét về trình thủ tục tiến hành kỷ luật chị N.

Theo tài liệu có trong hồ sơ thể hiện: ngày 6/4/2015 (bút lục 91-97) Trường THPT Đ tiến hành họp xét kỷ luật giáo viên Đặng Thị N. Thành phần dự họp: Hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng, đại diện các tổ chuyên môn trong trường và giáo viên vi phạm tổng số người dự họp là 12 thành viên bao gồm cả giáo viên có hành vi vi phạm. Tại biên bản này thể hiện việc họp xét kỷ luật giáo viên Đặng Thị N dựa trên Công văn của Sở giáo dục & đào tạo tỉnh Hà Giang chuyển đơn của công dân Hoàng Thị T (là phụ huynh em Hoàng Thị Hương N học tại trường có mâu thuẫn với cô giáo Đặng Thị N); Công văn của UBND huyện B và căn cứ vào kết quả xác minh đơn của phụ huynh học sinh để tiến hành việc xét kỷ luật đối với chị N. Tại biên bản họp này thể hiện đầy đủ ý kiến các thành viên tham gia kiểm điểm về những vi phạm của chị N và có ý kiến của chị N và 11 thành viên dự họp có bỏ phiếu kín về hình thức kỷ luật chị N.

Biên bản ngày 12/5/2015 về việc xét kỷ luật giáo viên (bút lục 253 đến 266) với thành viên dự họp 14 người gồm Hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng, đại diện các tổ chuyên môn, Bí thư đoàn thanh niên, chủ tịch công đoàn trường và giáo viên vi phạm. Biên bản thể hiện trình tự tiến hành họp xét kỷ luật như: Thông qua

các văn bản của cấp trên, các biên bản xác minh của nhà trường; đơn kiến nghị của phụ huynh học sinh; yêu cầu người vi phạm đọc bản kiểm điểm (chị N không làm bản kiểm điểm vì chị N cho rằng chị N không vi phạm); Ý kiến của Hội đồng về hành vi vi phạm của chị N; Tiến hành bỏ phiếu kín về hình thức kỷ luật đối với chị Nhung.

Sau khi tiến hành họp kiểm điểm và bỏ phiếu kín về hình thức kỷ luật đối với chị N Trường THPT Đ đã gửi toàn bộ hồ sơ xét kỷ luật chị N lên Sở GD&ĐT để Sở GD&ĐT tiến hành thành lập Hội đồng xét kỷ luật chị N. Nhưng do Quyết định kỷ luật buộc thôi việc viên chức số 818/QĐ-SGDĐT ngày 5/6/2015 của Giám đốc Sở GD&ĐT không đúng thẩm quyền nên ngày 7/10/2016 Sở GD&ĐT tỉnh Hà Giang ra Quyết định số 1531/QĐ-SGDĐT quyết định hủy bỏ Quyết định số 818/QĐ-SGDĐT ngày 5/6/2015 của Sở GD&ĐT đồng thời giao cho Hiệu trưởng trường THPT Đ ra quyết định xử lý kỷ luật đối với hành vi vi phạm của chị Đặng Thị N.

Như vậy, Trường THPT Đ đã căn cứ vào hồ sơ xét kỷ luật chị N do Trường lập nên gửi cho Sở GD&ĐT để làm căn cứ thành lập Hội đồng xét kỷ luật chị N. Xét hai biên bản họp xét kỷ luật chị N trước khi thành lập Hội đồng xét kỷ luật viên chức: Về hình thức của hai biên bản xét kỷ luật viên chức viết chưa chính xác về câu từ nhưng nội dung hai biên bản này đã thể hiện đầy đủ cách thức tiến hành họp kiểm điểm, mục đích của việc họp kiểm điểm giáo viên có hành vi vi phạm và kết quả của việc họp kiểm điểm và xét hình thức kỷ luật đối với giáo viên có hành vi vi phạm.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị N cho rằng Trường THPT Đ thực hiện việc kỷ luật chị không đúng quy trình, không có bản kiểm điểm của chị vẫn tiến hành xét kỷ luật chị và việc không thực hiện đúng quy định tại Điều 15 Nghị định 27/CP thì việc thành lập hội đồng xét kỷ luật chị theo Điều 18 của Nghị định 27 cũng không đúng.

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ thể hiện: Trường Đ nhận được đơn đề nghị của phụ huynh học sinh tố cáo chị Đặng Thị N có hành vi xung hô không đúng mực với học sinh, ném cuộn len, giẻ lau bảng vào mặt học sinh hậu quả dẫn đến việc học sinh bỏ học và qua các công văn của cơ quan cấp trên chuyển đến yêu cầu Trường Đ tiến hành xác minh việc tố cáo giáo viên có đúng hay không để giải quyết vụ việc. Trường Đ đã tiến hành xác minh. Trong quá trình xác minh có tiến hành hòa giải giữa phụ huynh học sinh và chị N. Chị N đã biết nội dung bị khiếu nại nhưng chị N không viết bản kiểm điểm theo yêu cầu của nhà trường hay đưa ra các bằng chứng để chứng minh bản thân chị N có vi phạm hay không. Nhà trường vẫn tiến hành họp xét kỷ luật chị N. Qua hai biên bản họp xét kỷ luật chị N thấy rằng Hiệu trưởng là người chủ trì và có đầy đủ các thành viên đại diện các tổ chuyên môn của nhà trường, người vi phạm. có đầy đủ ý kiến của những người dự họp và người vi phạm, có bỏ phiếu kín về hình thức kỷ luật đối với chị N

Đối chiếu với quy định tại khoản 3 Điều 15 của Nghị định 27/CP: nếu người vi phạm không viết bản kiểm điểm thì cuộc họp vẫn được tiến hành. Như vậy, Trường THPT Đ đã tiến hành kiểm điểm để xét kỷ luật chị N theo đúng Điều 15 Nghị định 27/CP ngày 06/4/2012 của Chính Phủ.

[3.3] Chị N cho rằng bản án sơ thẩm không áp dụng Điều 18 Nghị định 27/CP.

Tài liệu có trong hồ sơ thể hiện: Ngày 21/10/2016 Trường THPT Đ ban hành Quyết định về việc thành lập Hội đồng kỷ luật viên chức (bút lục 124). Ngày 12/11/2016 trường THPT Đ ra thông báo kế hoạch xét kỷ luật giáo viên (bút lục 116); có giấy triệu tập viên chức (bút lục 117-119). Ngày 14/11/2016 Hội đồng kỷ luật Trường THPT Đ tiến hành họp xét kỷ luật với đầy đủ các thành viên của Hội đồng xét kỷ luật, có sự tham gia của các Phó hiệu trưởng Chủ tịch công đoàn trường, tổ trưởng các tổ chuyên môn và chị Đặng Thị N, có lập biên bản việc họp. Tại buổi họp, chị N không làm bản kiểm điểm (chị N cho rằng chị không vi phạm đạo đức nhà giáo cũng như vi phạm chuyên môn), tuy nhiên căn cứ vào tất cả các tài liệu trường THPT Đ đã tiến hành xác minh, các văn bản kiến nghị của đại diện phụ huynh học sinh, kết luận tại buổi làm việc giữa Bí thư huyện B với đại diện hội phụ huynh và các ý kiến của các thành viên của Hội đồng xét kỷ luật và các thành viên tham dự. Hội đồng xét kỷ luật với 5 thành viên đã tiến hành bỏ phiếu kín đối với hình thức xét kỷ luật chị N và 100% thành viên trong Hội đồng kỷ luật bỏ phiếu nhất trí kỷ luật chị N với hình thức buộc thôi việc và đến ngày 18/11/2016 Hiệu trưởng Trường ra quyết định kỷ luật số 01/QĐKL-VC ngày 18/01/2016. Như vậy, Trường THPT Đ đã tiến hành tổ chức họp kỷ luật chị N theo đúng trình tự, thủ tục kỷ luật được quy định tại Điều 18 Nghị định số 27/2012/NĐ-CP, ngày 6/4/2012 của Chính phủ.

Bên cạnh đó, bản án sơ thẩm đã áp dụng Điều 8, Điều 18 Nghị định số 27/2012/NĐ-CP, ngày 6/4/2012 của Chính phủ (thể hiện ở phần nhận định và quyết định của bản án), không áp dụng Điều 15 của Nghị định này tại phần quyết định của bản án nhưng đã phân tích nhận định đầy đủ trong bản án về việc tổ chức họp kỷ luật viên chức trong trường hợp viên chức không làm bản kiểm điểm. Do vậy, lý do kháng cáo của chị N không có căn cứ để xem xét.

[4] Phần kháng cáo thứ 2 là các yêu cầu của chị N đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét các đề nghị sau. Xét các yêu cầu của chị Đặng Thị N đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: HĐXX xét thấy:

[4.1]. Đối với đề nghị thứ nhất và thứ hai của chị Đặng Thị N: Chị N kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy Quyết định số 01/QĐKL-VC ngày 18/11/2016 của Hiệu trưởng trường THPT Đ về việc kỷ luật viên chức đối với chị Đặng Thị N và nhận chị trở lại làm việc.

Xét Quyết định số 01/QĐKL-VC ngày 18/11/2016 của Hiệu trưởng trường THPT Đ việc kỷ luật viên chức đối với chị Đặng Thị N. HĐXX thấy rằng:

***) Về thẩm quyền:** Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 27/2012/NĐ-CP, ngày 6/4/2012 của Chính phủ Hiệu trưởng Trường THPT Đ quản lý viên chức Đặng Thị N tiến hành xử lý kỷ luật và quyết định hình thức kỷ luật là đúng thẩm quyền.

***) Về thời hiệu:** Căn cứ quy định tại Điều 7 mục 2 Nghị định số 27/2012/NĐ-CP, ngày 6/4/2012 của Chính phủ thời hiệu xử lý kỷ luật là 24 tháng kể từ thời điểm viên chức có hành vi vi phạm pháp luật. Hành vi vi phạm của chị Đặng Thị N xảy ra từ ngày 19/12/2014 đến ngày 8/5/2015. Ngày 12/11/2016,

Hiệu trưởng Trường THPT Đ ra thông báo bằng văn bản về việc xem xét xử lý kỷ luật chị N và đến ngày 18/11/2016 Hiệu trưởng Trường THPT Đ ban hành Quyết định số 01/QĐKL-VC VC xử lý kỷ luật đối với chị Đặng Thị N bằng hình thức buộc thôi việc là 23 tháng còn trong thời hiệu xử lý kỷ luật.

***) Về thời hạn:** Tại Điều 8 Nghị định số 27/2012/NĐ-CP ngày 06/4/2012 của Chính phủ quy định: Thời hạn xử lý kỷ luật tối đa là 02 tháng kể từ ngày viên chức có hành vi vi phạm pháp luật cho đến ngày người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập có thẩm quyền xử lý kỷ luật.

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ: Sau khi chị N khởi kiện đối với Quyết định số 818/QĐ-SGDĐT ngày 5/6/2015 của Giám đốc Sở GD&ĐT tỉnh Hà Giang ra TAND thành phố H, thì Giám đốc Sở GD&ĐT tỉnh Hà Giang căn cứ vào khoản 2 Điều 14 của Nghị định số 27/2012 /NĐ-CP, ngày 06/4/2012 của Chính Phủ phát hiện việc xử lý kỷ luật chị N là không đúng thẩm quyền nên ngày 7/10/2016 Sở GD&ĐT tỉnh Hà Giang ra Quyết định số 1531/QĐ-SGDĐT quyết định hủy bỏ Quyết định số 818/QĐ-SGDĐT ngày 5/6/2015 của Sở GD&ĐT đồng thời giao cho Hiệu trưởng trường THPT Đ ra quyết định xử lý kỷ luật đối với hành vi vi phạm của chị Đặng Thị N. Ngày 18/11/2016 Hiệu trưởng trường ban hành Quyết định số 01/QĐKL-VC của Hiệu trưởng Trường THPT Đ kỷ luật buộc thôi việc đối với chị Đặng Thị N.

Như vậy, thời hạn xử lý kỷ luật chị N sẽ được tính lại kể từ ngày Sở GD&ĐT tỉnh Hà Giang ban hành Quyết định số 1531/QĐ-SGDĐT quyết định hủy bỏ Quyết định số 818/QĐ-SGDĐT ngày 5/6/2015 của Sở GD&ĐT là ngày 7/10/2016 đến ngày 18/11/2016 Hiệu trưởng Trường THPT Đ ban hành quyết định xử lý kỷ luật là 1 tháng 11 ngày, là còn trong thời hạn xử lý kỷ luật theo quy định tại khoản 1 Điều 8 mục 2 Nghị định số 27/2012/NĐ-CP, ngày 6/4/2012 của Chính phủ.

***) Về trình tự, thủ tục:** Hiệu trưởng Trường THPT Đ đã tiến hành họp xét kỷ luật chị Đặng Thị N vào các ngày 06/4/2015 và 12/5/2015. Sau khi họp xét kiểm điểm và bỏ phiếu về hình thức kỷ luật đối với chị Đặng Thị N. Hiệu trưởng Trường THPT Đ thành lập Hội đồng kỷ luật. Ngày 14/11/2016 Hội đồng kỷ luật Trường THPT Đ tiến hành họp xét kỷ luật với đầy đủ các thành viên của Hội đồng xét kỷ luật, có sự tham gia của các Phó hiệu trưởng Chủ tịch công đoàn trường, tổ trưởng các tổ chuyên môn và chị Đặng Thị N, có lập biên bản việc họp. Tại buổi họp xét kỷ luật, chị N không viết bản kiểm điểm tuy nhiên căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ kỷ luật 100% thành viên trong Hội đồng kỷ luật bỏ phiếu nhất trí kỷ luật chị N với hình thức buộc thôi việc và đến ngày 18/11/2016 Hiệu trưởng Trường ra Quyết định kỷ luật theo đúng trình tự, thủ tục kỷ luật được quy định tại Điều 18 Nghị định số 27/2012/NĐ-CP, ngày 6/4/2012 của Chính phủ

***) Về nội dung của quyết định:** Theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 27/2012/NĐ-CP, ngày 6/4/2012 của Chính phủ quy định: Hình thức kỷ luật buộc thôi việc áp dụng đối với viên chức có một trong các hành vi vi phạm pháp luật sau đây “2. Không tuân thủ quy trình, quy định chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp và quy tắc ứng xử trong khi thực hiện hoạt động nghề nghiệp gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng”

Việc không tuân thủ quy trình, quy định chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp và quy tắc ứng xử trong khi thực hiện hoạt động nghề nghiệp gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng do chị Đặng Thị N gây ra từ ngày 19/12/2014 đến ngày 8/5/2015 được thể hiện trong hồ sơ như sau:

Chị Đặng Thị N đòi nợ học sinh Hoàng Thị Hương N ngay trong trường THPT Đ, có hành vi lăng mạ em Ni, gọi em N là đồ con chó, có ném cuộn len và giẻ lau bảng vào mặt em N, mạt sát em N ngay trên lớp học, tại sân trường sau buổi thi đầu tiên của học sinh, nhờ học sinh cũ đe dọa em N, gây áp lực đối với em N dẫn đến việc em Hoàng Thị Hương N bỏ học, bỏ nhà đi khỏi địa phương; lấy danh nghĩa là giáo viên trường THPT Đ vay nợ cá nhân, phụ huynh học sinh quá hạn không trả, nhận tiền chạy việc khiến chủ nợ liên tiếp đến trường đòi nợ gây mất an ninh và làm xấu hình ảnh của nhà trường trước học sinh và nhân dân. Hành vi vi phạm của chị N được chứng minh tại bản tường trình của em Hoàng Thị Hương N (BL196-199, BL239-244), Bản tường trình của em Hoàng Thị D (BL 200-201), các Biên bản xác minh của Ban giám hiệu trường (BL 65-70, BL282-285), Báo cáo của giáo viên chủ nhiệm em N (BL 291), Lời khai của người làm chứng chị Nguyễn Thị P (BL 84-186, BL459-461) và các tài liệu do Cơ quan Công an huyện cung cấp như Đơn trình báo (BL467), Giấy cam kết hợp đồng xin việc do chị N viết (BL 468), Giấy nhận tiền, Bản tự khai của chị N, Biên bản lấy lời khai của chị N, Đơn tố cáo (BL469-493) và phù hợp với lời khai của những người làm chứng tại phiên tòa hôm nay. Như vậy đối chiếu những hành vi vi phạm với quy định trong Quy tắc ứng xử trong nhà trường THPT Đ (BL 294-298), Quy định về đạo đức nhà giáo ban hành kèm theo Quyết định số 16/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 16/4/2008 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT (BL 345-346) thì có đủ căn cứ kết luận chị Đặng Thị N có hành vi vi phạm đạo đức nhà giáo.

Tại phiên tòa sơ thẩm chị N chỉ thừa nhận mang điện thoại lên lớp hỏi và bắt học sinh trả lời rồi quay video, vi phạm quy chế chấm thi còn những nội dung khác chị N không thừa nhận là chị dạy không đủ thời gian, dạy học sinh không hiểu bài, làm việc riêng trên lớp, nói chuyện đời tư với học sinh, sử dụng điện thoại trong giờ, có một số tiết không dạy, chỉ ghi tên đầu bài và yêu cầu học sinh tự đọc, tự học, sử dụng giờ lên lớp để nói xấu giáo viên và học sinh, viết sẵn đơn cho học sinh ký, cho học sinh ký không vào giấy trắng tuy nhiên những hành vi vi phạm của chị N nêu trên được chứng minh tại các tài liệu Báo cáo của giáo viên chủ nhiệm (GVCN) 10A2 ngày 8/5/2015 (BL169); Báo cáo của GVCN 11B3 ngày 7/5/2015 (BL290); Báo cáo GVCN, học sinh 11B1 ngày 7/5/2015 (BL170-171); Báo cáo của các em học sinh 11B1 ngày 6/4/2015 (BL289); Biên bản lớp 11B3 lập ngày 16/3/2015 (BL273), ngày 7/5/2015 (BL288) cũng như phù hợp với lời khai của giáo viên chủ nhiệm lớp các lớp 10A2 là anh Đỗ Mạnh V, lớp 11 B1 là chị Hà Mai C, lớp 11B3 là chị Nông Thị Minh T tại phiên tòa hôm nay. Như vậy đối chiếu hành vi vi phạm với quy định trong “Những quy định về nội quy và nề nếp làm việc của trường THPT Đ” (BL311-321) thì có đủ cơ sở kết luận chị Đặng Thị N có hành vi vi phạm quy chế chuyên môn.

Trước hành vi vi phạm của chị Đặng Thị N, tổ bộ môn, Chi bộ, Công đoàn, Chi đoàn trường góp ý giáo dục nhưng chị N có thái độ không tiếp thu, không sửa

chữa, không chủ động khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm của chị N gây ra, chị N tiếp tục vi phạm ngày càng nhiều, có thái độ không hợp tác với Ban giám hiệu, trốn tránh trách nhiệm giải quyết hậu quả do mình gây ra, được chứng minh bởi các Biên bản góp ý (BL77-80, BL278, BL81-83, BL277, BL 174-179) cùng các biên bản họp góp ý tại tổ bộ môn tại các buổi họp sơ kết kỳ I, tổng kết kỳ II (BL493-456) cũng như phù hợp với lời khai của phó bí thư chi bộ trường là anh Không Văn H, lời khai của chủ tịch công đoàn trường là chị Nguyễn Thị P, lời khai của tổ trưởng tổ bộ môn Văn, Sử, Địa, GDCD là chị Nguyễn Thị T tại phiên tòa hôm nay.

Hành vi vi phạm của chị Đặng Thị N gây ra hậu quả làm học sinh Hoàng Thị Hương N phải bỏ học, bỏ đi khỏi địa phương; danh dự nhà giáo, uy tín của trường THPT Đ bị giảm sút, tâm lý học sinh hoang mang, lo lắng, phong trào học tập của học sinh bị giảm sút, số lượng học sinh đăng ký vào trường giảm, số lượng chuyển trường tăng, số học sinh nghỉ học tăng, gây bức xúc, lo lắng, bất bình cho phụ huynh học sinh các lớp 10A1, A2, A3, A4, A5, A6, A7; lớp 11 B1, B2, B3, B4, B5, B6, B7; lớp 12 C1, C2, C3, C4, C5, C6 của trường THPT Đồng Yên, gây dư luận không tốt trong quần chúng nhân dân ở địa phương, gây ra đơn thư vượt cấp gửi các cơ quan ban ngành trong huyện, trong tỉnh, gây ảnh hưởng đến sự hoạt động bình thường của các cơ quan Nhà nước được chứng minh bởi Biên bản họp ban đại diện hội cha mẹ học sinh (BL155-160), Biên bản làm việc với trường ban đại diện cha mẹ học sinh trường (BL435-439), đơn đề nghị (BL98-102; BL161-164), Biên bản làm việc với Sở GD&ĐT tỉnh Hà Giang (BL 403-408), Biên bản làm việc với UBND xã Đ (BL462-463).

Sở GD&ĐT tỉnh Hà Giang và đại diện chính quyền địa phương xã Đ, huyện B đánh giá hậu quả do hành vi vi phạm của chị N gây ra như trên là gây ra hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.

Mặc dù chị N không thừa nhận hành vi vi phạm, hậu quả do hành vi vi phạm mà chị gây ra nhưng căn cứ vào các tài liệu chứng cứ nêu trên, Hiệu trưởng Trường THPT Đ kỷ luật chị với lý do vi phạm đạo đức nhà giáo, vi phạm quy chế chuyên môn có hệ thống, đã được tập thể và cá nhân góp ý nhưng không sửa chữa, gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng là có căn cứ, thái độ không tiếp thu, sửa chữa và không chủ động khắc phục hậu quả do chị gây ra cũng là yếu tố xem xét tăng nặng khi áp dụng hình thức kỷ luật và xét lý lịch viên chức của chị thấy rằng năm 2012, năm 2013 chị N đã hai lần bị xử lý kỷ luật dưới hình thức cảnh cáo tuy đã hết thời gian thi hành quyết định không là yếu tố xem xét tăng nặng nhưng cũng là yếu tố để Hiệu trưởng Trường quyết định kỷ luật.

Như vậy, đối chiếu các quy định của pháp luật, Quyết định số 01/QĐKL-VC ngày 18/11/2016 của Hiệu trưởng Trường THPT Đ về việc kỷ luật viên chức đối với chị Đặng Thị N bằng hình thức buộc thôi việc là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4.2] Tại phiên tòa phúc thẩm chị N không cung cấp được chứng cứ nào mới để chứng minh cho kháng cáo của chị N là có căn cứ pháp luật để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị N. Căn cứ vào quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm thấy rằng việc Hiệu trưởng Trường THPT

Đ ban hành Quyết định số 01/QĐKL-VC ngày 18/11/2016 của Trường THPT Đ về việc kỷ luật viên chức đối với chị Đặng Thị N bằng hình thức buộc thôi việc là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Do đó, nội dung kháng cáo về yêu cầu hủy Quyết định kỷ luật buộc thôi việc đối với chị N không có căn cứ để xem xét và Quyết định kỷ luật buộc thôi việc đối với chị Đặng Thị N đúng quy định của pháp luật nên yêu cầu phải nhận chị N trở lại làm việc không có căn cứ để chấp nhận.

[4.3] Đối với đề nghị thứ 3 Chị N kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm buộc Trường THPT Đ phải bồi thường cho chị N tiền lương+ bảo hiểm xã hội+ bảo hiểm y tế+ bảo hiểm thất nghiệp và các chế độ phụ cấp ưu đãi khác từ 19/11/2016 đến nay với số tiền tạm tính là 98.337.861đ.

HĐXX xét thấy: Yêu cầu nêu trên của chị N xuất phát từ việc chị N cho rằng Quyết định kỷ luật buộc thôi việc của Hiệu trưởng trường THPT Đ là trái pháp luật nên phải bồi thường các khoản: tiền lương+ bảo hiểm xã hội+ bảo hiểm y tế+ bảo hiểm thất nghiệp và các chế độ phụ cấp ưu đãi khác từ 19/11/2016 đến nay với số tiền tạm tính là 98.337.861đ. Nhưng căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ cũng như quá trình tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm. Việc ra Quyết định kỷ luật buộc thôi việc đối với chị N có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 18/11/2016 và đúng trình tự quy định của pháp luật. Do đó, các yêu cầu phát sinh sau ngày ban hành quyết định kỷ luật buộc thôi việc đối với chị là không có căn cứ để xem xét.

[4.4] Nội dung đề nghị thứ 4 của chị Đặng Thị N đề nghị cấp phúc thẩm buộc Trường THPT Đ phải bồi thường cho chị 02 tháng tiền lương + 45 ngày do vi phạm thời hạn báo trước theo Điều 42 Bộ luật lao động.

HĐXX thấy rằng: Theo quy định tại Điều 42 BLLĐ quy định về nghĩa vụ của người sử dụng lao động khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật. Căn cứ vào Quyết định kỷ luật viên chức số 01/QĐKL-VC ngày 18/11/2016 của Hiệu trưởng trường Đồng Yên đối với chị Nhung đúng với quy định của pháp luật. Tại Điều 3 của Quyết định có nêu: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông bà có tên tại Điều 1 thì hành quyết định này.

Như vậy, Về mặt pháp lý khi quyết định kỷ luật buộc thôi việc của Hiệu trưởng trường Đ có hiệu lực và không trái với quy định của pháp luật thì Trường Đ không có nghĩa vụ phải thanh toán khoản tiền nào cho chị N vì chị N không còn là viên chức của Trường Đ kể từ ngày 18/11/2016. Bên cạnh đó. Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc Trường Đ phải trả hai tháng lương và các khoản khác theo quy định của pháp luật cho chị N từ thời điểm Sở giáo dục ban hành quyết định hủy Quyết định 818 cho đến ngày Hiệu trưởng trường THPT Đ ban hành Quyết định kỷ luật đối với chị N ngày 18/11/2017. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo này của chị Nhung

Đối với yêu cầu bồi thường 45 ngày lương. HĐXX thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định: Theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Luật Viên chức có quy định: “ *Khi đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập phải báo cho viên chức biết trước ít nhất 45 ngày*” và điểm b khoản 1 Điều 29 Luật viên chức quy định: “*Viên chức bị buộc thôi việc theo điểm d khoản 1 Điều 52 và*

khoản 1 Điều 57 của Luật này”. Đối với viên chức bị buộc thôi việc theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 52 Luật viên chức thì không phải báo trước. Như vậy, chị N bị buộc thôi việc theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 52 Luật viên chức nên yêu cầu bồi thường 45 ngày lương do vi phạm thời hạn báo trước của chị Nhung là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Từ những phân tích trên thấy rằng kháng cáo của chị Đặng Thị N không có cơ sở để xem xét. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thu thập, xác minh để giải quyết vụ án khách quan đúng quy định của pháp luật. Do đó, HĐXX không chấp nhận kháng cáo của chị Đặng Thị N. HĐXX nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án.

[6] Do kháng cáo của chị N không được chấp nhận nên chị N phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật,

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của chị Đặng Thị N, giữ nguyên Bản án lao động sơ thẩm số: 01/2018/LĐ-ST ngày 31/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang.

Căn cứ vào Điều 30, điểm b, khoản 1,2 Điều 29, điểm d khoản 1 Điều 52 Luật viên chức; Điều 85, Điều 89 Luật Bảo hiểm xã hội; khoản 2 Điều 202 Bộ Luật lao động, khoản 5 Điều 32, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 3, Điều 7, khoản 1 Điều 8, khoản 2 Điều 13, khoản 2 Điều 14, Điều 15, Điều 18, khoản 4 Điều 22 Nghị định số 27/2012/NĐ-CP, ngày 6/4/2012 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật viên chức và trách nhiệm bồi thường, hoàn trả của viên chức; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị N, buộc Hiệu trưởng Trường THPT Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang có trách nhiệm thanh toán tiền lương, phụ cấp khu vực, phụ cấp ưu đãi, thâm niên nghề cho chị Đặng Thị N từ ngày 8/10/2016 đến hết ngày 17/11/2016 với số tiền là **6.237.805 đồng** (*Sáu triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn tám trăm linh năm đồng*).

Buộc Hiệu trưởng Trường THPT Đ trích nộp BHXH, BHYT, BHTN của chị Đặng Thị N cho Bảo hiểm xã hội huyện B, tỉnh Hà Giang là 2.247.032 đồng và lãi truy thu là 323.823 đồng. Tổng cộng: **2.570.855 đ** (*Hai triệu năm trăm bảy mươi nghìn tám trăm năm mươi lăm đồng*).

Ghi nhận Hiệu trưởng Trường THPT Đ tự nguyện trích nộp 2% kinh phí công đoàn của chị Đặng Thị N cho Liên đoàn lao động huyện B với số tiền là **92.706 đ** (*Chín mươi hai nghìn bảy trăm linh sáu đồng*).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng

tháng bên phải thì hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị N hủy Quyết định số 01/QĐKL-VC ngày 18/11/2016 của Hiệu trưởng trường THPT Đ về việc kỷ luật viên chức đối với chị Đặng Thị N và nhận chị trở lại làm việc; không chấp nhận yêu cầu bồi thường 2 tháng tiền lương và bồi thường 45 ngày lương do vi phạm thời hạn báo trước.

3. Về án phí: Hiệu trưởng trường THPT Đ, huyện B phải chịu án phí lao động có giá ngạch là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Chị Đặng Thị N phải chịu án phí lao động sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

4. Án phí phúc thẩm: Căn cứ Điều 148 BLTTDS, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Đặng Thị N phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí lao động phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND huyện B;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Xuân

